

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 384/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Hòa.

Bà Đỗ Thị Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 395/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 310/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữ:

- Nguyên đơn: Vũ Trung H, sinh ngày 08/9/1985.

ĐKKHKT và nơi cư trú: KDC T - B, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Dương Thị D, sinh ngày 10/12/1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC T - B, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

(Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Vũ Trung H trình bày: Anh và chị Dương Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 29/4/2005. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng lạnh nhạt và không quan tâm đến nhau. Khoảng năm 2015 chị D đi lao động tại Nhật Bản nhưng chị D đi về nhiều lần. bản thân anh cũng đi làm ăn xa nên không thường xuyên có nhà, vợ chồng mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai và đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Dương Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Trung L, sinh ngày 05/12/2006 và Vũ Dương Ánh N, sinh ngày 11/12/2008. Do anh thường xuyên vắng nhà nên chị D đưa các con về nhà bố mẹ để sinh sống. Anh và chị D liên lạc và thống nhất giao cả hai con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên và anh chị tự thống nhất thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chị D không có mặt ở Việt Nam, anh nhất trí để các con ở với em gái chị D là chị Dương Thị D1 cho đến khi chị D về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị D nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị D. Chị Dương Thị D1 (là em gái chị D) trình bày: Chị không biết địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị D vẫn thường xuyên liên lạc với chị qua điện thoại. Chị đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị D biết, thông qua gia đình chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí. Chị xác định vợ chồng có 02 con chung như anh H trình bày là đúng, chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung Vũ Trung L và Vũ Dương Ánh N cho đến khi các con đủ 18 tuổi và chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho em gái là chị Dương Thị D1 chăm sóc các con cho đến khi chị về nước. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Dương Thị D1 nhất trí thay chị D chăm sóc cháu Vũ Trung L và Vũ Dương Ánh N cho đến khi chị D về nước và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi các cháu.

Con chung của anh H và chị D là Vũ Trung L và Vũ Dương Ánh N có nguyện vọng được ở với chị D1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Trung H ly hôn chị Dương Thị D. Về con chung: Giao con chung Vũ Trung L và Vũ Dương Ánh N cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Vũ Trung L và Vũ Dương Ánh N cho chị Dương Thị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị D không có mặt tại Việt Nam. Anh H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Trung H hiện đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn chị Dương Thị D có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở KDC T - B, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện chị D đang lao động tại Nhật Bản, do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị D, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị D cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị D1 là em gái chị D để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị D đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị D1 vẫn liên lạc với chị D và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị D. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Trung H và chị Dương Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C (nay là

phường C, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 29/4/2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng. Khoảng năm 2015 chị D đi lao động tại Nhật Bản, bản thân anh cũng đi làm ăn xa không thường xuyên có nhà, vợ chồng lạnh nhạt và không quan tâm đến nhau. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D. Thông qua gia đình chị D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Vũ Trung H và chị Dương Thị D có 02 con chung là Vũ Trung L, sinh ngày 05/12/2006 và Vũ Dương Ánh N, sinh ngày 11/12/2008. Anh H và chị D cùng thống nhất giao con chung Vũ Trung L và Vũ Dương Ánh N cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Cháu Vũ Trung L và Vũ Dương Ánh N có nguyện vọng được ở với chị D và chị D1. Chị D ủy quyền cho chị Dương Thị D1 chăm sóc các con cho đến khi chị về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao các con chung cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị D, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Vũ Trung L và Vũ Dương Ánh N cho chị Dương Thị D1 nuôi dưỡng trong thời gian chị D không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Trung H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Trung H, xử cho anh Vũ Trung H ly hôn chị Dương Thị D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Dương Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Trung L, sinh ngày 05/12/2006 và Vũ Dương Ánh N, sinh ngày 11/12/2008 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Vũ Trung L và Vũ Dương Ánh N cho chị Dương Thị D1 nuôi dưỡng trong thời gian chị D không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Trung H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000886 ngày 23/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Trung H và chị Dương Thị D1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị Dương Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường